TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 3- 2025
V/v ly hôn và nuôi con

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 517/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* A Nguyễn Minh V, sinh năm 1987 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VB, xã NT, huyện GR, tỉnh KG

− *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

ĐKHKTT: Ấp VB, xã NT, huyện GR, tỉnh KG.

Hiện đang sinh sống: Ấp VĐ, xã NT, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện A Nguyễn Minh V nguyên đơn trình bày: A V và chị Nguyễn Thị Tiến do được mai mối tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn A V và chị T hạnh phúc được thời gian đầu

nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cải, mất dần tình cảm gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tiền bạc cũng như sinh hoạt gia đình nên vào cuối năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay A xét thấy không thể tiếp tục chung sống với chị T nên A yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: A và chị T có với nhau hai người con chung gồm Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 06/10/2011; Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 20/12/2014 hiện các con đang sống cùng A. Nay A yêu cầu tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản, ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án đã triệu tập chị T đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt, không rõ lí do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về hôn nhân: A V chị T có đăng ký kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc nên cả hai đã sống ly thân nên xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của A Nguyễn Minh V với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: A V chị T có với nhau hai người con chung Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 06/10/2011; Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 20/12/2014 hiện các con đang sống cùng A. Trong suốt quá trình tố tụng A chị T vắng mặt không đưa ra ý kiến hay yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho A V trực tiếp

chăm sóc nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do A V không yêu cầu.

Về tài sản chung không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chị T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Vinh Đông, xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa A Nguyễn Minh V và chị Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đúng thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn A V cho rằng giữa A và chị T thường xuyên cự cải nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên A chị đã sống ly thân. Đối với bị đơn Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng A V không còn tình cảm vợ chồng với chị T và cả hai đã sống ly thân. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa A V, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội

đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu ly hôn của A V đối với chị T.

[2.2] Về con chung: A V, chị T có với nhau Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 06/10/2011; Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 20/12/2014. Sau khi vợ chồng sống ly thân các con sống cùng với A V. Theo quy định của luật hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là nếu sau khi ly hôn vợ chồng không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con thì do Tòa án quyết định, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trong suốt quá trình tố tụng chị T vắng mặt không có ý kiến về việc A V không đảm bảo điều kiện nuôi con cũng như không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Xét thấy A V cho rằng các con đang sống cùng A nên để đảm bảo điều phát triển cho các con và giữ sự ổn định nghị nên tiếp tục giao hai con cho A V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định và nguyện vọng của các con. Về cấp dưỡng chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do A V không yêu cầu.

Cháu A, cháu Nh có nguyện vọng được ở với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, A Nguyễn Minh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí A V đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của A Nguyễn Minh V được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 06/10/2011; Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 20/12/2014, cho A Nguyễn Minh V trực

tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do A V không yêu cầu.

Cháu A, cháu Nh có nguyện vọng được ở với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: A Nguyễn Minh V phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0008794 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: A Nguyễn Minh V, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên